|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNHUYỆN TAM ĐƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ......../BC-UBND | *Tam Đường, ngày .... tháng ..... năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 đối với xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 03/2024QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

Căn cứ Quyết định 1487/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 16-KH/HU ngày 11/12/2020 của Huyện ủy Tam Đường về kế hoạch xây dựng huyện Tam Đường đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 454/KH-UBND ngày 06/4/2023 của UBND huyện Tam Đường về Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Sơn Bình tại Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 25/10/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn xã Sơn Bình, UBND huyện Tam Đường báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2024 đối với xã Sơn Bình, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 12/11/ 2024 đến ngày 27/11/2024):

**1. Về hồ sơ**

UBND xã Sơn Bình đã gửi đầy đủ 01 bộ hồ sơ theo quy định, bao gồm:

- Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 25/10/2024 của UBND xã Sơn Bình đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Sơn Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

- Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã Sơn Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 của UBND xã Sơn Bình.

- Báo cáo số 103/BC-UBND ngày 03/10/2024 của UBND xã Sơn Bình về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2024 của xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

- Báo cáo số 130/BC-UBND ngày 22/10/2024 của UBND xã Sơn Bình về tổng hợp ý kiến tham gia với kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

- Báo cáo số 131/BC-UBND ngày 22/10/2024 của UBND xã Sơn Bình về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Sơn Bình đến hết năm 2024.

- Một số hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của xã Sơn Bình.

*\* Đánh giá chung:* UBND xã Sơn Bình có đầy đủ hồ sơ, đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới**

**2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, huyện và điều kiện thực tế của địa phương Đảng ủy, UBND xã và Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia xã đã cụ thể hóa bằng các chương trình, quyết định, kế hoạch chỉ đạo các bản thực hiện công tác tuyên truyền, lập kế hoạch Chương trình xây dựng NTM trên địa bàn xã, hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra công tác triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2024. Kết quả đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/ĐU, ngày 08/7/2020 của Đảng bộ xã Sơn Bình về xây dựng Nông thôn mới xã Sơn Bình giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 04-KH/ĐU, ngày 10/8/2020 của Đảng ủy xã Sơn Bình về xây dựng Nông thôn mới xã Sơn Bình giai đoạn 2020-2025; UBND xã ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 15/9/2020 về về xây dựng Nông thôn mới xã Sơn Bình giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 21/4/2024 về phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới. Thành lập và kiện toàn kịp thời Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG, Ban quản lý xã, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách các tiêu chí nông thôn mới; 7/7 bản thành lập Ban phát triển thôn bản.Phân công thành viên phụ trách theo địa bàn bản, lĩnh vực, tiêu chí; xã đã thành lập Ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Ban phát triển thôn bản trên địa bàn các bản. Công tác phối hợp giữa các ban ngành trong triển khai thực hiện Chương trình được thực hiện thường xuyên, chặt chẽ nhằm thống nhất chủ trương thực hiện trên địa bàn xã.

**2.2. Công tác chỉ đạo truyền thông, đào tạo, tập huấn**

***a) Công tác truyền thông***

- Công tác tuyên truyền, quán triệt được quan tâm thực hiện và triển khai để nhân dân hiểu đầy đủ mục đích, ý nghĩa, quyền và trách nhiệm chủ thể của người dân cùng với Đảng ủy, chính quyền chung tay xây dựng nông thôn mới là một nhiệm vụ quan trọng có tính quyết định việc tổ chức thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào vệ sinh môi trường nông thôn, sáng, xanh, sạch, đẹp, duy trì 7/7 bản sáng, xanh, sạch; các hoạt động thông tin, truyền thông, truyền thanh, truyền hình được tăng cường. Xây dựng, phát sóng 75 tin bài. Tăng cường tuyên truyền lồng ghép nội dung xây dựng NTM trong các cuộc họp, sinh hoạt cơ quan; trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các ban chỉ đạo để tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung tuyên truyền: Tập trung tuyên truyền sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân về chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nói chung, về chương trình xây dựng nông thôn mới nói riêng, nhằm quán triệt tới toàn thể nhân dân nhận thức sâu sắc về mục đích, ý nghĩa của chương trình; phổ biến tới nhân dân nắm được nội dung của từng tiêu chí của 19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nêu rõ những nội dung Nhà nước đầu tư hỗ trợ và những nội dung công việc thôn bản và nhân dân thực hiện; triển khai công bố Quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới đã được huyện phê duyệt để nhân dân biết, thực hiện; triển khai và huy động nhân dân tham gia thực hiện các nội dung công việc theo đề án đã được phê duyệt.

- Qua công tác tuyên truyền, vận động, ý thức của người dân được cải thiện nâng lên rõ rệt, người dân hiểu rõ xây dựng nông thôn mới là quyền lợi, nghĩa vụ của người dân trên địa bàn xã. Mục tiêu xây dựng nông thôn mới chủ yếu là sản xuất phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, nâng cao cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và người dân đóng vai trò chủ thể quan trọng trong Chương trình xây dựng nông thôn mới, đồng thời là chủ thể thụ hưởng chính của Chương trình.

***b) Công tác chỉ đạo đào tạo, tập huấn***

Công tác tập huấn, đào tạo cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới luôn được Ban Chỉ đạo quan tâm thực hiện hàng năm; với hình thức cử cán bộ phụ trách NTM của xã, trưởng bản các bản và một số hộ dân tiêu biểu đi tham gia các lớp do cấp trên tổ chức. Qua đó đã nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý, tổ chức thực hiện và giám sát cộng đồng đối với đội ngũ cán bộ xã, thôn, các đoàn thể xây dựng nông thôn mới. Giai đoạn 2021-2024, UBND xã đã cử 35 cán bộ, công chức xã, ban phát triển thôn bản, chủ thể các hộ kinh doanh, HTX tham gia tập huấn nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ cấp xã làm công tác xây dựng nông thôn mới. Trong đó, tập huấn ở tỉnh 12 đồng chí, tập huấn ở huyện 23 đồng chí, tập huấn tại xã là 125 đồng chí. Năm 2024 xã cử 3 đồng chí CBCC xã, 02 người ở bản đi tham học hỏi kinh nghiệm làm du lịch tại xã Sin Suối Hồ huyện Phong Thổ.

**3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân**

***a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn***

Căn cứ quy hoạch, đề án Ban Chỉ đạo xã đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, thâm canh tăng vụ,khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất; tích cực đưa giống chất lượng cao, cây trồng mới, máy móc, nông cụ vào sản xuất, mở rộng, xây dựng quy hoạch vùng sản chè chất lượng cao, vùng sản xuất Chanh leo...., triển khai, tổ chức nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm đảm bảo bền vững. Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn xã là 826,04 ha. Trong đó: Tổng diện tích cây lương thực có hạt 588,8 ha (Cây ngô: 269,5 ha; Cây lúa 319,3 ha); cây ăn quả 26 ha; 12ha cây rau màu và công nghiệp ngắn ngày khác (cây sắn, đậu tương, lạc…), chanh leo 81,12 ha, chè 74,54 ha.

Chỉ đạo làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc và từng bước chuyển đổi phương thức chăn nuôi công nghiệp, bán công nghiệp nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển đàn gia súc, gia cầm, từng bước nâng cao thu nhập cho người dân. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 6%/năm. Đến nay tổng đàn gia súc 1.123 con, gia cầm 8.131 con, diện tích nuôi trồng thủy sản 7,3 ha chủ yếu là nuôi cá nước lạnh.

***c) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn***

- Xác định phát triển công nghiệp, tiểu thủ công là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương. Đồng thời, lựa chọn, phát triển những sản phẩm công nghiệp nông thôn mang tính truyền thống như thêu thủ công và một số ngành nghề hiện là thế mạnh của xã như thủy điện. Để tạo lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm, xã cũng khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đầu tư các trang thiết bị tiên tiến trên cơ sở những ngành nghề đã có, tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị cao, từ đó quan tâm tới việc xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu cho sản phẩm.... Giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt 14 tỷ đồng, trong đó: Chủ yếu là công nghiệp sản xuất và phân phối điện.

- Công tác dạy nghề ngắn hạn, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân được quan tâm thực hiện. Hàng năm xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện rà soát nhu cầu của nhân dân đăng ký mở các lớp dạy nghề cho nhân dân trên địa bàn xã, từ năm 2021 đến nay đã mở được 33 lớp 1.055 học viên tham gia .

***d) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân***

- Công tác phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn được xã thực hiện theo hướng lâu dài, liên tục và đồng bộ. Nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo bền vững trên toàn xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xã Sơn Bình đã đề ra nhiều giải pháp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tránh tái nghèo… Để khuyến khích nông dân tăng gia sản xuất, UBND xã, các hội đoàn thể của xã đã phối hợp với các cơ quan cấp trên tổ chức nhiều buổi tập huấn và hội thảo trình diễn các mô hình điển hình trong công tác sản xuất. Đồng thời, tích cực thực hiện các chính sách hỗ trợ cho nhân dân từ các chương trình, dự án.

- Chủ động đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng diện tích trồng chanh leo, thâm canh tăng vụ,khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất. Đồng thời nhân rộng các mô hình có chuỗi liên kết giá trị sản xuất như: Chè, chanh leo, dong riềng… Làm tốt công tác bảo vệ, chăm sóc rừng bên cạnh việc tăng cường thu nhập từ các sản phẩm từ rừng, kết hợp với bảo vệ sinh thái và môi trường rừng.

- Liên kết, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, công ty, doanh nghiệp để đưa lao động thủ công của địa phương đi đào tạo ngắn hạn và làm việc tại các công ty, doanh nghiệp ngoài địa bàn nhằm tao mức thu nhập tăng thêm cho người dân.

- Tăng cường công tác vận động nhân dân chủ động xây dựng bản du lịch cộng đồng kết hợp thu hút đầu tư và các khu, điểm du lịch có tiềm năng lớn nhằm nâng cao thu nhập cho nhân dân.

**3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới**

**3. 1.** **Tiêu chí số 1 (Quy hoạch)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn: Đạt.*

*- 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch: Đạt.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xã đã chỉ đạo và thực hiện tốt công tác xây dựng quy hoạch, công khai quy hoạch.

- Các nội dung đã thực hiện: Xã Sơn Bình được UBND huyện Tam Đường phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu đến năm 2030 theo Quyết định số 4090/QĐ-UBND ngày 29/12/2023. Quy hoạch chung phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 *(trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn).* UBND xã tổ chức công bố, tuyên truyền quy hoạch chung đảm bảo theo quy định[[1]](#footnote-1). Đã thực hiện Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- Kinh phí đã thực hiện: 200 triệu đồng.

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.2. Tiêu chí số 2 (Giao thông):**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 2.1 Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm 100%.*

*- 2.2 Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ≥ 80%.*

*- 2.3 Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm 100% (≥ 80% cứng hóa).*

*- 2.4 Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 100% (≥ 50% cứng hóa).*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xã đã tích cực huy động mọi nguồn lực, tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án; vận động nhân dân hiến đất để mở rộng đường giao thông trong khu dân cư, nội đồng và các công trình công cộng.

- Các nội dung đã thực hiện: Trên địa bàn xã có tổng số 30,3 km đường giao thông nông thôn các loại, đã cứng hóa được 24,607 km, đạt 81,21%; 7/7 bản có đường trục chính được cứng hóa bê tông và đi lại thuận tiện, cụ thể:

+ Chỉ tiêu 2.1: Xã có 2,85/2,85 km đường xã được bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ giao thông vận tải, đạt 100%.

+ Chỉ tiêu 2.2: Xã có 5,86/5,86 km đường bản, liên bản, hiện đã bê tông hóa được 5,86 km, đạt 100%.

+ Chỉ tiêu 2.3: Xã có tổng chiều dài 4,6 km đường ngõ bản, hiện đã cứng hóa 4,44 km đạt 96,52%.

+ Chỉ tiêu 2.4: Xã có tổng chiều dài 15,75 km đường nội đồng, hiện đã thực hiện cứng hóa 11,32 km, đạt 71,87%.

- Kinh phí đã thực hiện: 6.391 triệu đồng (Nhà nước hỗ trợ 6.244,5 triệu đồng, xã hội hóa 146,5 triệu đồng).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.3. Tiêu chí số 3 (Thủy lợi và phòng, chống thiên tai):**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên ≥ 85%.*

*- 3.2 Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Đạt.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hệ thống thủy lợi của xã được đầu tư nâng cấp hàng năm phục vụ sản xuất cho nhân dân. Hàng năm UBND xã chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp các bản huy động nhân dân tổ chức phát quang, nạo vét hệ thống kênh mương lưu thông dòng chảy đảm bảo tưới, tiêu cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Phối hợp với Công ty thủy nông Lai Châu xây dựng kế hoạch tưới, tiêu chủ động đảm bảo cho việc gieo trồng đúng khung lịch thời vụ và sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng để đạt được năng suất cao. Công tác bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi của xã được thực hiện đầy đủ. Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được Ban Chi huy xã quan tâm thực hiện.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 3.1: Tổng số công trình thủy lợi: 11 công trình, với 7 km đầu mối (4 km được kiên cố, 3 km chưa được kiên cố), 27,7 km kênh mương (đã cứng hóa, kiên cố 20 km, kênh đất, chưa kiên cố 7,7 km), phục vụ tưới tiêu cho tổng diện tích cây trồng 469,7 ha (trong đó: Lúa mùa 315 ha, cây màu 5 ha, cây ăn quả 139,7ha, cây chè 10 ha); phục vụ tưới tiêu đạt 87,2%.

- Chỉ tiêu 3.2: UBND xã đã ban hành kế hoạch thực hiện Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Xã đã ban hành đầy đủ các văn bản theo yêu cầu[[2]](#footnote-2) và đảm bảo chủ động về PCTT theo phương châm 4 tại chỗ đạt 78 điểm.

- Kinh phí đã thực hiện: 1.122,2 triệu đồng (Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.4. Tiêu chí số 4 (điện)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 4.1 Hệ thống điện đạt chuẩn: Đạt.*

*- 4.2 Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn ≥95%.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Trên địa bàn xã có 04 trạm hạ thế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành điện, tổng số chiều dài đường dây 11,7km. Xã đã chỉ đạo, vận động các hộ dân lắp công tơ riêng để chống cháy chập điện, kéo điện để 100% các hộ dân đều được sử dụng điện.

- Các nội dung đã thực hiện: Hệ thống lưới điện của xã được đầu tư đồng bộ từ các trạm biến áp đến hệ thống đường dây, đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, chất lượng và cung cấp điện liên tục, trực tiếp tới hộ dân, đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Toàn xã có 983[[3]](#footnote-3) hộ/1.008 hộ = 97,51% đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. Điện lực Tân Uyên thường xuyêt tổ chức kiểm tra, xử lý các điểm cung cấp điện cho các hộ dân còn ở xa được đảm bảo; nâng cấp, sửa chữa, bổ sung các hạng mục nhằm cung cấp lượng điện đảm bảo tiêu thụ trong sinh hoạt của nhân dân và cho các hoạt động sản xuất tại một số điểm bản như Chu Va 12, Huổi Ke.

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.5. Tiêu chí số 5 (Trường học)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định: Xã có có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt chuẩn về CSVC tối thiểu, trong đó ≥50% đạt chuẩn về CSVC mức độ 1.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Quy mô trường, lớp, các cấp học tiếp tục được củng cố hoàn thiện để đảm bảo cho nhu cầu dạy và học, chất l­ượng chuyên môn được nâng lên, giáo dục mũi nhọn, chất lượng giáo dục toàn diện ở các bậc học và công tác xã hội hoá giáo dục được quan tâm.

- Các nội dung đã thực hiện: Trên địa bàn xã hiện có 2 trường học, gồm trường mầm non, TH&THCS trong đó: Có 2/2 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, 1/2 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, cụ thể: Trường mầm non đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 (theo Quyết định 2378/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu); Trường TH&THCS Đạt đạt chuẩn CSVC tối thiểu.

- Kinh phí thực hiện: 18.496 triệu đồng (Nhà nước hỗ trợ: 17.916 triệu đồng, xã hội hóa 580 triệu đồng).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.6. Tiêu chí số 6 (Cơ sở vật chất văn hóa)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

- *6.1 Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã: Đạt.*

*- 6.2 Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Đạt.*

*- 6.3 Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng 100%.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Cấp ủy, chính quyền địa phương thường xuyên quan tâm chỉ đạo đầu tư, sửa chữa các nhà văn hóa trên địa bàn đảm bảo các điều kiện tốt nhất để các hoạt động diễn ra tại các nhà văn hóa.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 6.1: Nhà văn hóa xã được xây dựng năm 2015, với diện tích 190m2, phục vụ cho khoảng 100 chỗ ngồi. UBND huyện đã có lộ trình đầu tư nhà văn hoá trung tâm xã diện tích sử dụng là 300 m2, với 200 chỗ ngồi, có đầy đủ phòng chức năng theo quy định.

+ Chỉ tiêu 6.2: Hiện nay trên địa bàn xã có sân thể thao bản Chu Va 12 phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (sân bóng nhân tạo tại bản Chu Va 12). Đối với các bản còn lại do quỹ đất xây dựng hạn chế nên định hướng sử dụng khuôn viên nhà văn hóa của các bản để phục vụ nhu cầu sinh hoạt thể thao của nhân dân. Xã đã huy động các nguồn lực xã hội hóa xây dựng một số thiết bị máy móc phục vụ thể thao giải trí gắn liền với khuôn viên của nhà văn hóa xã, các hoạt động vui chơi hiện đang được sử dụng hiệu quả (hiện này UBND huyện đã có lộ trình đầu tư khu thể thao xã được quy hoạch 12.572m2 tại bản 46, đảm bảo cho hoạt động vui chơi, giải trí chương trình văn hoá văn nghệ, hội diễn văn nghệ và các hoạt động cộng đồng với quy mô cấp xã).

+ Chỉ tiêu 6.3: Tổng số bản trên địa bàn xã 07 bản, trong đó: Có 7/7 bản có nhà văn hóa bản, đạt 100%.

- Kinh phí thực hiện: 3.440,7 triệu đồng (Nhà nước hỗ trợ: 1.254 triệu đồng, xã hội hóa 2.186,7 triệu đồng).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

**7. Tiêu chí số 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn)**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

*Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (trường hợp xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, việc xét xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới áp dụng theo quy định tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương): Đạt.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hiện tại xã Sơn Bình không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, do vậy việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- Các nội dung đã thực hiện: Hiện nay, trên địa bàn xã có 22 cửa hàng bách hóa tổng hợp (cửa hàng nhỏ) cung cấp hàng hóa tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu của người dân trong xã. Năm 2024 tiếp tục công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tăng gia sản xuất, chủ động tìm kiếm thị trường giao thương đảm bảo tiêu thụ sản phẩm được kịp thời. Trên cơ sở các mặt hàng đang được xã quan tâm như Chanh leo, Chè, cá nước lạnh tiếp tục đề nghị các công ty, doanh nghiệp thu mua tại nơi, đảm bảo hàng được tiêu thụ nhanh chóng cho nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển ổn định; thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Hỗ trợ các hợp tác xã củng cố tổ chức xây dựng phương án sản xuất kinh doanh.

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Không xét.

**3.8. Tiêu chí số 8 (Thông tin và truyền thông)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính: Đạt.*

*- 8.2 Xã có dịch vụ viễn thông, internet: Đạt.*

*- 8.3 Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: Đạt.*

*- 8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Đạt.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hệ thống thông tin, truyền thông trong những năm qua được được đầu tư xây dựng (*hạ tầng viễn thông, trang thiết bị thông tin và truyền thông*), bước đầu ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 8.1: Hiện trên địa bàn xã có 01 điểm phục vụ bưu chính, được xây dựng năm 2010; có 01 đồng chí phục vụ đảm bảo về cơ sở vật chất, dịch vụ cung ứng và đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật.

+ Chỉ tiêu 8.2: Hiện nay trên địa bàn xã có 07 bản, trong đó: Có 07 bản được sử dụng dịch vụ viễn thông, đạt 100%. Xã có dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật theo quy định. Hiện nay xã có 2.468 người sử dụng smartphone, đạt 57%.

- Chỉ tiêu 8.3: Trên địa bàn xã có hệ thống đài truyền thanh và có 7/7 bản có hệ thống loa hoạt động thường xuyên, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 8.4: Tổng số máy tính phục vụ cho cán bộ, công chức làm việc là 19 máy, đạt 100%; Tổng số hồ sơ công việc phải xử lý hàng năm là 1200 hồ sơ, trong đó: Số hồ sơ giải quyết được xử lý trên môi trường mạng là 900 hồ sơ, đạt 75%; Tổng số cán bộ, công chức xã được trang bị kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin là 19/19 cán bộ, công chức, đạt 100%. Hiện tại xã đang áp dụng 3/4 ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành (Hệ thống quản lý văn bản điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ; Hệ thống một cửa điện tử), chưa áp dụng ứng dụng Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Kinh phí thực hiện: 45 triệu đồng (nguồn xã hội hóa).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.9. Tiêu chí số 09 ( Nhà ở dân cư)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 9.1 Nhà tạm, dột nát: Không.*

*- 9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ≥ 80%.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác tuyên truyền, vận động người dân xây dựng, chỉnh trang nhà cửa được cấp ủy, chính quyền quan tâm, triển khai thực hiện.

- Các nội dung đã thực hiện: Tiếp túc vận động các hộ gia đình đầu tư, cải tạo nâng cấp nhà ở và các công trình vệ sinh tạo cảnh quan sạch đẹp. Đến nay trên địa bàn xã không có nhà tạm, dột nát, có 983/983[[4]](#footnote-4) nhà kiên cố hoặc bán kiên cố, đạt 100%.

- Kinh phí thực hiện: 1.250 triệu đồng (Nguồn xã hội).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.10. Tiêu chí số 10 (thu nhập)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/ người) năm 2024 ≥ 45 triệu đồng*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Chủ động đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng diện tích trồng chanh leo, thâm canh tăng vụ,khai thác triệt để quỹ đất có khả năng đưa vào sản xuất. Nhân rộng các mô hình có chuỗi liên kết giá trị sản xuất như: Chanh leo, cây ăn quả ôn đới, dong riềng, thảo quả, cá nước lạnh … Làm tốt công tác bảo vệ, chăm sóc rừng bên cạnh việc tăng cường thu nhập từ các sản phẩm từ rừng, kết hợp với bảo vệ sinh thái và môi trường rừng.

- Các nội dung đã thực hiện: Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm quan tâm giải quyết việc làm tại chỗ và tăng cường cho người lao động tham gia, từng bước hình thành chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng an toàn, hiệu quả và có tính bền vững. Từ năm 2022 đến nay đã trồng mới 81,12 ha cây chanh leo với 181 hộ tham gia trồng. Tăng cường liên kết giữa nông dân với các doanh nghiệp để xây dựng một số vùng sản xuất hàng hóa chất lượng. Tập trung chuẩn bị tốt về giống, vật tư nông nghiệp, tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát quá trình gieo trồng, chăm sóc cây trồng đảm bảo đúng cơ cấu giống và diện tích theo chỉ tiêu kế hoạch năm 2024. Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn giúp thúc đẩy phát triển nông nghiệp của xã theo hướng hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, đem lại thu nhập ổn định cho người dân. Tổ chức điều tra thống kế thu nhập trên địa bàn xã, kết quả mức thu nhập bình quân đạt 45,1 triệu đồng/người/năm.

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

**3.11. Tiêu chí nghèo đa chiều (Tiêu chí số 11)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (< 13%).*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo được triển khai hàng năm nhằm giúp đỡ những hộ nghèo, cận nghèo có điều kiện được tiếp cận với các nguồn vốn vay để phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững.

- Các nội dung đã thực hiện: Tổ chức thực hiện đồng bộ các chính sách về an sinh xã hội, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, chính sách của tỉnh để hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững.tốt các chương trình dự án. Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã năm 2024 giảm còn 12,5% (hộ nghèo chiếm 8,83%, hộ cận nghèo chiếm 3,67).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.12. Tiêu chí số 12 (Lao động)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 12.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥70%.*

*- 12.2 Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥ 20%.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện, Phòng Lao động - TB&XH huyện mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao kiến thức, kỹ năng, tay nghề và tìm kiếm cơ hội việc làm cho người lao động nông thôn.

- Các nội dung đã thực hiện: Tổng số lao động trên địa bàn xã năm 2024 là 2.639 lao động, trong đó: Số lao động qua đào tạo là 1.873 lao động, chiếm 70,79%; Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 1.163 lao động, chiếm 44,06%.

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**13. Tiêu chí số 13 (Tổ chức sản xuất)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 13.1 Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương: Đạt.*

*- 13.2 Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững: Đạt.*

*- 13.3 Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương: Đạt.*

*- 13.4 Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường: Đạt.*

*- 13.5 Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả: Đạt.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Trong những năm qua cấp ủy, chính quyền địa phương đã chỉ đạo, lãnh đạo tổ chức cho người nông dân phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống. Đồng thời khuyến khích người dân tham gia vào hợp tác xã, liên kết với doanh nghiệp để cùng nhau tổ chức sản xuất, sơ chế, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người dân.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 13.1: Trên địa bàn xã có 02 HTX hoạt động theo Luật HTX năm 2012 là HTX nông nghiệp và Dịch Vụ du lịch Ngũ Chỉ Sơn và HTX cá nước lạnh Hoàng Liên Sơn, trong đó HTX nông nghiệp và Dịch vụ du lịch Ngũ Chỉ Sơn được thành lập năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 6200083036, gồm 10 thành viên, ngành nghề sản xuất kinh doanh, HTX nông nghiệp và Dịch vụ du lịch Ngũ Chỉ Sơn chủ yếu hoạt động trong việc nuôi cá nước lạnh. Hợp tác xã hoạt động tuân thủ theo đúng quy định của Luật HTX 2012, luôn bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên theo quy định tại Điều 9 Luật HTX 2012; công tác quản lý, sử dụng các quỹ của HTX theo quy định tại Điều 46 và 47 Luật HTX.

+ Chỉ tiêu 13.2: Mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm Chanh leo đảm bảo bền vững được xã thực hiện đã góp phần nâng cao giá trị kinh tế. Từ năm 2022 đến nay đã trồng mới 81,12 ha cây chanh leo với 181 hộ tham gia trồng. Qua quá trình trồng và phát triển cây Chanh leo trên địa bàn bản từ năm 2022 đến nay có thể khẳng định là loài cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn gấp ít nhất 2 lần so với trồng lúa, ngô trên cùng một đơn vị diện tích, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, xã hội, giảm nghèo ở địa phương.

+ Chỉ tiêu 13.3: Sản phẩm cá tầm, cá hồi đã thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP tại Giấy chứng nhận số 14/2023/VGTS ngày 27/11/2023 của Trung tâm phân tích và chứng nhận sản phẩm nông nghiệp, mã số chứng nhận VietGAP: VietGAP-TS-19-10-10-0001.

+ Chỉ tiêu 13.4: Không xét

+ Chỉ tiêu 13.5: Trên địa bàn đã thành lập tổ khuyến nông cộng đồng theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 20/5/2024 của UBND xã Sơn Bình. Đây là tổ khuyến nông cộng tự nguyện với thành phần nòng cốt là cán bộ khuyến nông cơ sở và các cá nhân trên địa bàn: cán bộ thú y, Phó chủ tịch HND, Phó chủ tịch phụ nữ xã, Phó bí thư Đoàn TNCS, cán bộ địa chính nông nghiệp xã. Số lượng thành viên tổ khuyến nông cộng đồng gồm: 05 người. Tổ khuyến nông cộng đồng có quy chế hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành; có hợp đồng phối hợp thực hiện dự án khuyến nông và đang hoạt động hiệu quả.

- Kinh phí thực hiện: 44.722,9 triệu đồng (Nhà nước hỗ trợ: 41.616,5 triệu đồng, xã hội hóa 3.106,4 triệu đồng).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.14. Tiêu chí số 14 (Giáo dục và Đào tạo)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 14.1 Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.*

*+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2.*

*+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 ≥ 98%.*

*+ Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2.*

*+ Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.*

*+ Trung tâm học tập cộng đồng đánh giá/xếp loại.*

*- 14.2 Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) ≥70%.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Sự nghiệp giáo dục của xã Sơn Bình trong những năm qua đã có những bước chuyển biến rõ rệt về số lượng và chất lượng. Chất lượng giáo dục trong toàn xã được nâng lên; đội ngũ cán bộ, giáo viên được bổ sung và chuẩn hoá đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục. Trang thiết bị và đồ dùng dạy học được bổ sung đầu tư, công tác xã hội hoá giáo dục từng bước được mở rộng. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao. Hằng năm tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm cụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cho Ban chỉ đạo PCGD, XMC xã, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp phù hợp với điều kiện thức tế của địa phương và các chỉ tiêu giao của xã, huyện. Thực hiện tốt công tác điều tra rà soát các đối tượng phổ cập giáo dục trên địa bàn xã, cập nhật đầy đủ thông tin. Huy động tối đa đối tượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi ra lớp, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần và hoàn thành chương trình giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Xây dựng cơ sở vật chất, môi trường lớp học đảm bảo, tuyên truyền và thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước đối với trẻ em 5 tuổi đến trường.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 14.1: Trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (giai đoạn 2024-2028) theo Quyết định số 794/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2023 của Sở giáo dục và Đào tạo Lai Châu về việc công nhận trường Mầm non xã Sơn Bình, huyện Tam Đường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo quyết định số 2378/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 và được UBND tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2024-2028. Thực hiện tốt các chế độ chính sách đối với trẻ mẫu giáo 5 tuổi, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần và 100% trẻ em 5 tuổi ra lớp hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Hiện tại xã đã Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Đạt chuẩn phổ cập Giáo dục tiểu học mức độ 3, tỉ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Đạt chuẩn phổ cập GDTHCS mức độ 2, Đạt chuẩn xoá mù chữ mức độ 2 theo Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND huyện Tam Đường. Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại khá.

+ Chỉ tiêu 14.2: Tỷ lệ học sinh (áp dụng cả nam và nữ tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học( phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp): Có 76/102 = 74,5% học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học( phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.15. Tiêu chí số 15 (Y tế)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 15.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ≥90%.*

*- 15.2 Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.*

*- 15.3 Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤ 24%.*

*- 15.4 Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong nhân dân việc chăm sóc cho bà mẹ và trẻ em nhằm giảm thiểu tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng được nâng cao. Tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các ban ngành đoàn thể xã, các tổ chức chính trị xã hội trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân. Chỉ đạo các ban ngành của xã làm tốt công tác quản lý, rà soát, cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho nhân dân, trẻ dưới 6 tuổi đảm bảo theo quy định. Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm không để dịch lớn xảy ra. Tăng cường công tác quản lý chăm sóc phụ nữ có thai trên địa bàn; Làm tốt công tác tuyên truyền vận động các cặp vợ chồng áp dụng biện pháp tránh thai hiện đại, thực hiện kế hoạch hóa gia đình từng bước giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và sinh con thứ 3 trở lên.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 15.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiệm y tế là 4735/4735 người đạt 100% (bao gồm cả các khẩu tạm trú trên địa bàn);

+ Chỉ tiêu 15.2: Xã đã đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2023 theo Quyết định 2382/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế năm 2023; Kết quả chấm điểm xã đạt thiêu chí theo Quyết định 1300/QĐ-BYT năm 2024 đạt 84/100 điểm.

+ Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi là 126/551 chiếm 22,87%.

+ Chỉ tiêu 15.4: Thực hiện theo Quyết định số 1531/QĐ-BYT ngày 5/6/2024 của Bộ Y tế. Sở Y tế đã có phương án theo Quyết định số 1251/QĐ-SYT ngày 14/11/2024 của Sở Y tế ban hành phương án kết nối phần mềm quản lý khám, chữa bệnh với Hồ sơ sức khỏe điện tử và liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử trên VneID.

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

**3.16. Tiêu chí số 16 (Văn hóa)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới ≥75%.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Xã luôn chú trọng duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động các bản đã được công nhận.

- Các nội dung đã thực hiện: Trong thời gian qua phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* trên địa bàn được đẩy mạnh, đi vào chiều sâu; việc thực hiện các tiêu chí về xây dựng bản, cơ quan, đơn vị, gia đình văn hóa được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Ban chỉ đạo xã thường xuyên, chủ động trong công tác đôn đốc, giám sát, hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia tích cực các hoạt động, phong trào do Ban chỉ đạo, MTTQ và các đoàn thể phát động. 7/7 bản xây dựng được quy ước thôn bản. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn duy trì và bảo tồn các bản sắc văn hóa dân tộc, loại bỏ các hủ tục lạc hậu trong việc cưới việc tang; giữ vững khối đại đoàn kết dân tộc gắn việc duy trì và phát triển các truyền thống văn hóa dân tộc với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*.* Tăng cường tuyên truyền vận động, giáo dục, thuyết phục các hộ gia đình thực hiện tốt các chính sách về dân số kế hoạch hóa gia đình hạn chế tình trạng sinh con thứ 3, tảo hôn xảy ra trên địa bàn. Tính đến năm 2023 xã có 6/7 bản đạt chuẩn văn hóa, chiếm 85,7% và dự kiến đến cuối năm 2024 xã có 7/7 bản đạt chuẩn văn hóa, chiếm 100%.

- Kinh phí thực hiện: 20 triệu đồng (nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ).

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.17. Tiêu chí số 17 (Môi trường và an toàn thực phẩm)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 17.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ≥20% (≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung).*

*- 17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường ≥ 90%.*

*- 17.3 Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.*

*- 17.4 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ≥2m2/người.*

*- 17.5 Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.*

*- 17.6 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ≥70%*

*- 17.7 Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%.*

*- 17.8 Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ≥ 70%.*

*- 17.9 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ≥ 60%.*

*- 17.10 Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.*

*- 17.11 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ≥ 30%.*

*- 17.12 Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ≥ 30%.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường được cấp ủy Đảng, chính quyền xã quan tâm chỉ đạo, sự phối hợp có hiệu quả của MTTQ, các ngành, đoàn thể và sự nỗ lực cố gắng của các tầng lớp nhân dân bằng những việc làm thiết thực.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 17.1: Đến nay, trên địa bàn xã đã đầu tư xây dựng được 01 công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn cho 03 bản (Tân Hợp, 46, Huồi Ke) với 292/1008 hộ sử dụng đạt 28,96%. Chất lượng nước đảm bảo theo quy định (Phiếu kết quả kiểm nghiệm số 34/KXN-KSBT ngày 18/10/2024 và số 35/KXN-KSBT ngày 28/10/2024 của Trung tâm kiểm soát dịch bệnh Lai Châu các chỉ số kiểm nghiệm đạt theo quy định).

+ Chỉ tiêu 17.2: Trên địa bàn xã Sơn Bình có 05 dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, 05 dự án đã có quyết định phê duyệt hồ sơ môi trường (04 Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, 01 giấy phép môi trường) đạt 100%.

+ Chỉ tiêu số 17.3: Hiện tại xã vẫn đang duy trì các bản có cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung. Trên địa bàn xã hiện có 1,7 km đường trục bản được trồng hoa, cây đào tại bản Chu Va 6, Chu Va 8, Chu Va 12; 2,0 km kênh mương thủy lợi, 1,2km rãnh thoát nước được khơi thông thường xuyên; 75% hộ gia đình có diện tích cây xanh, cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào...

+ Chỉ tiêu số 17.4: Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã 12.370 m2, bình quân chung đạt 2,6 m2/người.

+ Chỉ tiêu số 17.5: Hiện nay nghĩa trang của xã và các bản bản đã được UBND xã Sơn Bình quy hoạch theo Quyết định số 4090/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Tam Đường. Việc mai táng cơ bản phù hợp theo quy định, phù hợp với phong tục của địa phương.

+ Chỉ tiêu số 17.6: Thực hiện cho các hộ đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt và bố trí các thùng rác tại các trục đường chính. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã trong năm là 736 tấn. Khối lượng được thu gom, xử lý 530 tấn/năm. Đạt 72%.

+ Chỉ tiêu số 17.7: Thực hiện bố trí các bể chứa báo gói TBVTV sau sử dụng và tuyên truyền Nhân dân trên địa bàn thu gom bao gói TBVTV sau sử dụng vào các bể chứa; Chất thải y tế nguy hại được thu gom, vận chuyển về Trung tâm y tế huyện để xử lý theo quy định. Hiện nay xã đã bố trí 48 bể chứa bao gói TBVTV sau sử dụng, khối lượng bao gói TBVTV sau sử dụng được thu gom vào các bể chứa là 133 kg đạt 100%. Chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý là 35,4 kg, đạt 100%.

+ Chỉ tiêu số 17.8: Tổng số hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 730/1008 hộ, đạt 72,4%.

+ Chỉ tiêu số 17.9: Số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo hợp vệ sinh môi trường là 405/654 hộ, đạt 62%.

+ Chỉ tiêu số 17.10: Xã có 23/23 cơ sở, 109/109 hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%.

+ Chỉ tiêu số 17.11: UBND xã đã tuyên truyền nhân dân trên địa bàn thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Kết quả trên địa bàn xã có 355/1008 hộ thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đạt 35,2%.

+ Chỉ tiêu số 17.12: Nhân dân trên địa bàn đã thực hiện gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa phát sinh. Kết quả đã thu gom, tái chế, tái sử dụng 41/110 tấn/năm, đạt 37,1%.

- Kinh phí đã thực hiện: 5.904,7 triệu đồng (Nhà nước hỗ trợ 5.613 triệu đồng, xã hội hóa 291,7 triệu đồng.

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt

**3.18. Tiêu chí số 18 (Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:***

*- 18.1 Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn*

*- 18.2 Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên*

*- 18.3 Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên*

*- 18.4 Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*

*+ Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn*

*+ Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật*

*+ Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lýkiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển.Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.*

*- 18.5 Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội*

*- 18.6 Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Tổ chức tốt công tác đánh giá xếp chất lượng cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội, các cán bộ, công chức đảm bảo theo đúng các quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức của xã luôn được quan tâm đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Có đầy đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn được quan tâm thực hiện; UBND xã có 01 đồng chí quy hoạch Phó chủ tịch UBND xã là nữ lãnh đạo. Đã có ít nhất 30% phụ nữ tham gia mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị. Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đã đề ra. Có 01 địa chỉ tin cậy thuộc Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” năm 2023 thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn xã Sơn Bình. Phân công chức Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách công tác trẻ em.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ 18.1: Tổng số cán bộ, công chức cấp xã 19/19 người đạt chuẩn theo Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND, ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức ở cấp xã và ngành đào tạo đối với công chức ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu (trên đại học 01 đ/c, Đại học = 17 đ/c, trung cấp 01 đ/c).

+ 18.2: Năm 2024, Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ 18.3: Năm 2024, toàn xã có 5/5 xã có tổ chức chính trị - xã hội của xã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo Quyết định số 138-QĐ/ĐU ngày 15/11/2024 của Đảng ủy xã Sơn Bình về xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo quản lý đối với Ban Thường trực UBMTTQ xã, BTV, BCH các đoàn thể chính trị xã hội xã Sơn Bình năm 2024.

+ 18.4: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND huyện Tam Đường về công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định năm 2023. UBND xã thường xuyên ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị, bám sát chỉ đạo cấp trên; bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn năm 2023 đạt 100%. Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật được nâng cao trong năm 2023 đạt 100%. Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý đạt 85%. Hàng năm xã đều đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

+ Chỉ tiêu 18.5: UBND xã có 01 đồng chí quy hoạch Phó Chủ tịch UBND xã là nữ lãnh đạo. Đã có ít nhất 30% phụ nữ tham gia mô hình trên địa bàn. Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch đã đề ra. Có 01 địa chỉ tin cậy.

+ Chỉ tiêu 18.6. Có kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 5/7/2023 của UBND xã Sơn Bình tổ chức hội nghị tập huấn cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn xã Sơn Bình năm 2023. Báo cáo số 107/BC-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã Sơn Bình về kết quả tập huấn cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp.

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

**3.19.Tiêu chí số 19 (Quốc phòng và an ninh)**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***:

*- 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng*

*- 19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.*

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí:***

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Quốc phòng và an ninh luôn được Đảng bộ chính quyền xã Sơn Bình quan tâm đặt lên hàng đầu. Tổ chức tốt công tác quốc phòng địa phương, xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng; cán bộ được đào tạo trình độ chuyên môn, có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định. Ban Chỉ huy quân sự xã thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu về quốc phòng, các nhiệm vụ phòng chống lụt bão; tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; tuyên truyền, giáo dục quốc phòng cho lực lượng vũ trang và nhân dân. Năm 2023, xã hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ theo chỉ tiêu được giao. Năm 2024, xã cũng đang triển khai thực hiện đảm bảo theo chỉ tiêu được giao. Hằng năm Đảng uỷ xã đều xây dựng Nghị quyết chuyên đề về an ninh trật tự, công tác quân sự địa phương, UBND xã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới" được triển khai, tuyên truyền sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân, được nhân dân đồng tình hưởng ứng tích cực. Công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm, tai, tệ nạn xã hội ngày càng được chú trọng. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm trật tự xã hội được kiềm chế, không có vụ việc nghiêm trọng xảy ra. Các mục tiêu chính trị, công trình kinh tế, quốc phòng, văn hóa - xã hội được bảo vệ.

- Các nội dung đã thực hiện:

+ Chỉ tiêu 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng: Làm tốt công tác Quốc phòng trong thời kỳ mới, xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh rộng khắp, lực lượng dân quân tự vệ ở các xã được xây dựng, củng cố, tăng cường đủ số lượng, đảm bảo chất lượng. Công tác tuyển chọn thanh niên nhập ngũ được tiến hành chặt chẽ, nghiêm túc; hàng năm các xã đều hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự đảm bảo chất lượng theo quy định. Ban CHQS xã có đủ 04 chức danh, đúng cơ cấu, thành phần; Bảo đảm Ban CHQS xã có phòng làm việc riêng: Có đủ trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật (Luật DQTV, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan). Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân xã: Năm 2024 xã đã thành lập Chi bộ quân sự theo QĐ số 119-QĐ/ĐU, ngày 08/01/2024 của Đảng ủy xã Sơn Bình về việc thành lập và chỉ định Bí thư Chi bộ Quân sự xã khóa I, nhiệm kỳ 2022-2025.

+ Chỉ tiêu 19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” được triển khai sâu rộng đạt được kết quả tích cực. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được đảm bảo, không có sự cố bất ngờ, đảm bảo tuyệt đối cho các sự kiện trên địa bàn xã. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được quan tâm và chỉ đạo giải quyết ngay tại cơ sở, góp phần tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế xã hội. Năm 2023 triển khai mô hình “Camera an ninh”, mô hình ““Tổ liên gia an toàn phòng cháy và chữa cháy”.

- Kinh phí thực hiện: 1.400 triệu đồng (Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ xây trụ sở)

***c) Đánh giá:*** Mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

**4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới**

Sau khi rà soát, xác định và nợ xây dựng cơ bản trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tính đến thánh 10/2024, xã Sơn Bình không cón nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã đạt nông thôn mới.

**5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới**

\* Xác định xây dựng nông thôn mới có điểm khởi đầu không có điểm kết thúc do đó trong thời gian tới, để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, tiến tới xây dựng xã nông thôn nâng cao, cần tập trung thực hiện một số giải pháp như sau:

* Một là: Đẩy mạnh phát triển kinh tế, tiếp tục tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân.
* Hai là: Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng, nâng cấp bê tông hóa mở rộng các tuyến đường liên bản đã xuống cấp, tiếp tục bê tông hóa thuỷ lợi nội đồng, kiên cố hóa kênh mương, để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.
* Ba là: Nâng cao chất lượng các tiêu chí trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc của quê hương. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ từ xã đến bản; đẩy mạnh phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Đồng thời thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, vận động toàn dân tham gia bảo hiểm y tế, tư vấn chữa trị từ xa; tổ chức tốt phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, nhất là thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của cấp ủy điều hành của chính quyền và sự vào cuộc tích cực của mặt trận đoàn thể, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, từng bước thoát nghèo bền vững, không để tái nghèo.
* Bốn là: Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tiếp tục củng cố đội ngũ cán bộ từ xã đến thôn; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã.
* Năm là: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Tăng cường công tác tuyên truyền trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, cách làm trong xây dựng nông thôn mới; qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Coi công tác vận động, tuyên truyền là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ xã đến bản. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.
* Sáu là: Tập trung huy động, lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn để đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn được phân bổ từ các chương trình mục tiêu quốc gia; đồng thời huy động từ các nguồn lực xã hội hóa; ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, công trình phục vụ sản xuất, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của Nhân dân. Phát huy nguồn lực sẵn có của địa phương cũng như huy động nguồn lực trong cộng đồng dân cư, chỉnh trang, cải tạo tường rào cổng ngõ, nhà ở, xây dựng các chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, cải tạo vườn phát triển kinh tế, đầu tư ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
* Bảy là: Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, sự điều hành của chính quyền, sự phối hợp đồng bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ xã đến bản trong tham gia xây dựng nông thôn mới. Phân công rõ nhiệm vụ, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, và người được phân công phụ trách, với từng nội dung, từng lĩnh vực. Đồng thời củng cố, kiện toàn Ban phát triển bản, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ**

UBND xã Sơn Bình có đầy đủ hồ sơ, đảm bảo đạt yêu cầu theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Sơn Bình đã được UBND huyện Tam Đường thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới**

Sau khi rà soát, xác định và nợ xây dựng cơ bản trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tính đến thánh 10/2024, xã Sơn Bình không cón nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã đạt nông thôn mới.

**III. KIẾN NGHỊ**

Căn cứ kết quả thực hiện, đối chiếu với quy định tại Quyết định 1487/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND tỉnh Lai Châu Ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025. UBND huyện Tam Đường đã tiến hành thẩm tra, lập hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã Sơn Bình đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2024 theo trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, kính đề nghị UBND tỉnh Lai Châu thẩm định, xét, công nhận xã Sơn Bình đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2024.

Trên đây là báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024 đối với xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu của UBND huyện Tam Đường./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;- Lưu: VT,  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH****Sùng Lử Páo** |
|  |  |

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM 2024****Đối với xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu**

 *(Kèm theo Báo cáo số . ../BC-UBND ngày.... tháng.... năm 20..... của UBND huyện Tam Đường)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tiêu chí** | **Nội dung tiêu chí** | **Tiêu chuẩn đạt chuẩn** *(Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)* | **Kết quả tự đánh giá của xã** | **Kết quả thẩm tra của** **huyện** |
| 1 | Quy hoạch | 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển KT-XH giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn | Đạt | Đạt | Đạt |
|  |  | 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch | Đạt | Đạt | Đạt |
| 2 | Giao thông | 2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận lợi quanh năm | 100% | Đạt | Đạt |
|  |  | 2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm |  ≥80% | Đạt | Đạt |
|  |  | 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm | 100% (≥80% cứng hóa) | Đạt | Đạt |
|  |  | 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm | 100% (≥50% cứng hóa) | Đạt | Đạt |
| 3 | Thủy lợi và phòng chống thiên tai | 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động |  ≥85% | Đạt | Đạt |
|  |  | 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ | Đạt | Đạt | Đạt |
| 4 | Điện | 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn | Đạt | Đạt | Đạt |
|  |  | 4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn |  ≥95% | Đạt | Đạt |
| 5 | Trường học | Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) | Xã có hơn 03 trường | Đạt |  |  |
| Xã có từ 03 trường trở xuống | Đạt | Đạt | Đạt |
| 6 | Cơ sở vật chất văn hóa | 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã | Đạt | Đạt | Đạt |
| 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định | Đạt | Đạt | Đạt |
| 6.3. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng | 100% | Đạt | Đạt |
| 7 | Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn | Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (trường hợp xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, việc xét xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới áp dụng theo quy định tại Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ Công Thương). | Đạt | Không xét | Không xét |
| 8 | Thông tin và truyền thông | 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính | Đạt | Đạt | Đạt |
| 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet | Đạt | Đạt | Đạt |
| 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn | Đạt | Đạt | Đạt |
| 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành | Đạt | Đạt | Đạt |
| 9 | Nhà ở dân cư | 9.1. Nhà tạm, dột nát | Không | Đạt | Đạt |
| 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố |  ≥80% | Đạt | Đạt |
| 10 | Thu nhập | Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) | Năm 2024 ≥ 45 | Đạt | Đạt | Đạt |
| 11 | Nghèo đa chiều | Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 | ≤ 13% | Đạt | Đạt |
| 12 | Lao động | 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) |  ≥70% | Đạt | Đạt |
| 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) |  ≥20% | Đạt | Đạt |
| 13 | Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn | 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương | Đạt | Đạt | Đạt |
| 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững | Đạt | Đạt | Đạt |
| 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương | Đạt | Đạt | Đạt |
| 13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường | Đạt | Đạt | Đạt |
| 13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả. | Đạt | Đạt | Đạt |
| 14 | Giáo dục và đào tạo | 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung | Đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi | Đạt | Đạt |  |
| Đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 2 | Đạt | Đạt |  |
| Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | Đạt | Đạt |  |
| Đạt chuẩn phổ cập GDTHCS mức độ 2 | Đạt | Đạt |  |
| Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 | Đạt | Đạt |  |
| Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại | Đạt | Đạt | Đạt |
| 14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) |  ≥70% | Đạt | Đạt |
| 15 | Y tế | 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) |  ≥90% | Đạt | Đạt |
| 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế | Đạt | Đạt | Đạt |
| 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) | ≤ 24% | Đạt | Đạt |
| 15.4. Xã triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử | Đạt | Đạt | Đạt |
| 16 | Văn hóa | Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới |  ≥75% | Đạt | Đạt |
| 17 | Môi trường và an toàn thực phẩm | 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn | Xã không thuộc khu vực III | Đạt |  |  |
| Xã thuộc khu vực III | Đạt | Đạt | Đạt |
| 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất-kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường |  ≥90% | Đạt | Đạt |
| 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt | Đạt | Đạt |
| 17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn |  ≥ 2m2/người | Đạt | Đạt |
| 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch | Đạt | Đạt | Đạt |
| 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định |  ≥70% | Đạt | Đạt |
| 17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường | 100% | Đạt | Đạt |
| 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch |  ≥70% | Đạt | Đạt |
| 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường |  ≥60% | Đạt | Đạt |
| 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm | 100% | Đạt | Đạt |
| 17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn |  ≥30% | Đạt | Đạt |
| 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định |  ≥30% | Đạt | Đạt |
| 18 | Tiếp cận pháp luật | 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn | Đạt | Đạt | Đạt |
| 18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | Đạt | Đạt | Đạt |
| 18.3. Tổ chức chính trị-xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên | 100% | Đạt | Đạt |
| 18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định | a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn | Đạt | Đạt | Đạt |
| b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật | Đạt | Đạt | Đạt |
| c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý | Đạt | Đạt | Đạt |
| 18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội | Đạt | Đạt | Đạt |
| 18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn | Đạt | Đạt | Đạt |
| 19 |  | 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng | Đạt | Đạt | Đạt |
| 19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,…) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiềm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả | Đạt | Đạt | Đạt |

1. Thông báo số 102/TB-UBND ngày 31/12/2023 Về việc niêm yết công khai Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, đến năm 2030; Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 31/12/2024 về triển khai tuyên truyền quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, đến năm 2030; Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 30/02/2024 về Kết quả thực hiện triển khai, niêm yết, công bố, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 về thành lập ban chỉ huy phòng, chống thiên ta và tìm kiếm cứn nạn; Quyết định số 29/QĐ-BCHPCTT ngày 15/4/2024 về phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Sơn Bình; Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 về việc thành lập đội sung kích phòng chống thiên tai; Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 25/3/2021 về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Sơn Bình; Kế hoạch số 27/KH-BCH ngày 26/4/2024 về ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi do thiên tai trên địa bàn xã Sơn Bình; Phương án số 01/PA-BCHPCTT ngày 27/03/2024 phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Sơn Bình năm 2024 [↑](#footnote-ref-2)
3. Có 29 hộ sử dụng điện nước [↑](#footnote-ref-3)
4. Có 25 hộ mới tách nhưng còn ở chung. [↑](#footnote-ref-4)